

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tuấn Thịnh;
2. Ông Lương Văn Hưng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T T T sinh năm 1991

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố P L 2, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đ V C sinh năm 1991

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố P L 2, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị T T T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ V C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/8/2014 tại UBND thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, anh C mãi chơi, nghiện Game, thường đi tối ngày, bỏ bê công việc gia đình. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được, do mâu thuẫn mà từ tháng 02 năm 2020 chị cùng con phải thuê nhà ra ở riêng, từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân hẳn và không quan tâm, gần gũi nhau.

Do mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ V C.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống đến nay chị và anh C có 01 con chung cháu tên là Đ Đ T sinh ngày 03/11/2015 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang trực tiếp ở cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung; không vay nợ ai và không cho ai vay nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Yêu cầu, đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C thừa nhận tự nguyện kết hôn với chị T vào ngày 30/8/2014 tại UBND thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không có tiếng nói chung hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau đến nay đã gần 01 năm. Nay chị T kiện ly hôn với anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Anh C thừa nhận vợ chồng có 01 con chung cháu tên là Đ Đ T sinh ngày 03/11/2015 cháu T khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang trực tiếp ở cùng với chị T, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi cháu Đ Đ T. Hiện tại anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh C không đến Toà án, chỉ gửi bản tự khai và gửi đơn đề nghị không tiến hành hoà giải và xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị T kiện ly hôn anh C, anh C cư trú tại tổ dân phố P L 2, thị trấn P, huyện B do vậy đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải mà gửi đơn đề nghị không tiến hành hoà giải và xin xét xử vắng mặt nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho các đương sự (bị đơn gửi nộp đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt). Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/8/2014; thời điểm kết hôn anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc chị T kiện ly hôn anh C, Tòa án xét thấy:

Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị chỉ hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không có tiếng nói chung, theo chị T thì ngoài nguyên nhân cả hai đều thừa nhận trên anh C còn mải chơi, nghiện Game, thường đi tối ngày và bỏ bê gia đình, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2021; còn theo anh C nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không có tiếng nói chung, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau đến nay đã gần 01 năm. Xét thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T T T được ly hôn anh Đ V C.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Cả chị T và anh C đều thừa nhận có 01 con chung cháu tên là Đ Đ T sinh ngày 03/11/2015 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T còn anh C thì đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét đến quyền lợi về mọi mặt, nguyện vọng của đương sự, sự phát triển về thể chất, tinh thần và về lâu dài của con. Vì những căn cứ trên nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét việc giao con cho phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân, gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*:

Chị T làm nghề giáo viên tại trường Mầm Non thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai thu nhập từ lương hàng tháng được 7.000.000 đồng, anh C làm nghề lao động tự do thu nhập không xác định được, chị T cũng không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con; chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định đảm bảo việc trực tiếp nuôi cháu Đ Đ T mà anh C không cấp dưỡng vẫn đảm bảo cuộc sống bình thường của cháu. Vì vậy không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị T T T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị T T T được ly hôn với anh Đ V C

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Giao cháu Đ Đ T sinh ngày 03/11/2015 cho chị T T T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu

T đủ 18 tuổi. Anh Đ V C không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị T T T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002984 ngày 30/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị T T T đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B;
- UBND thị trấn P, H. B, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

